TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuý Phượng

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 457/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐ-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Ấp Năm Căn, xã T1, huyện T2, tỉnh T3, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc N, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp Năm Căn, xã T1, huyện T2, tỉnh T3; tạm trú: Khu phố N1, phường N1, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và bản tự khai ngày 06/3/2022, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông Huỳnh Văn T và bà Bùi Thị Ngọc N tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1, tỉnh M2 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 04/4/2012.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không cùng suy nghĩ, không

đồng quan điểm sống, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc nên ông T và bà N đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Hiện nay ông T xác định không còn tình cảm với bà N, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông T và và bà Bùi Thị Ngọc N có 01 người con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh ngày 16/12/2012. Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà Bùi Thị Ngọc N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản chứng thực Chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy khai sinh và các tài liệu khác có liên quan đến hồ sơ vụ án.

Tại bản tự khai 15/6/2022, bị đơn bà Bùi Thị Ngọc N trình bày: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà N đồng ý ly hôn với ông T và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền 3,000,000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà N không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Sau khi nộp bản tự khai tại Tòa án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng bị đơn không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn cũng như yêu cầu về con chung; ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Riêng về phần cấp dưỡng nuôi con, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1,500,000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Văn T và bà Bùi Thị Ngọc N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M1, tỉnh M2 theo đúng quy định của pháp luật. Nay ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc N và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Bùi Thị Ngọc N hiện cư trú tại khu phố Bình Quới B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T và bà Bùi Thị Ngọc N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T cho rằng sau khi kết hôn, ông T và bà N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hoà hợp về suy nghĩ và quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra thường xuyên và ngày càng nghiêm trọng hơn nên ông T và bà N sống ly thân từ đó đến nay. Từ sau khi sống ly thân, hai bên không còn quan hệ tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bên cạnh đó, bà N sau khi được Tòa án triệu tập có gửi văn bản thể hiện tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N đã trầm trọng, bà N đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu được ly hôn với bà N.

[2.3] Về con chung: Ông T có yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn trong trong quá trình tố tụng cùng lời khai của bị đơn cho thấy: Từ sau khi ông T và bà N sống ly thân cho đến nay, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà N hiện tại làm công nhân, công việc và thu nhập ổn định. Con chung đã sống với bà N từ khi sinh ra cho đến nay, bà N cũng có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc con nên việc giao con chung cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mặt thể chất và tinh thần cho con chung.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét đây là ý chí tự nguyện của ông T, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T đối với bị đơn bà Bùi Thị Ngọc N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T được ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc N.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Ngọc N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh ngày 16/12/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn T về việc ông Huỳnh Văn T cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc P, sinh ngày 16/12/2012 số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0002537 ngày 24/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông Huỳnh Văn T phải nộp thêm 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Thuận An;
- Chi cục THADS TP. Thuận An;
- Phòng Tư pháp tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tố Uyên